TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-3-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Công;

Ông Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Vân An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22/11/2023 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Kim N - Sinh năm: 1983. Địa chỉ: 188 ấp Long Phú, xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh T - Sinh năm: 1984. Địa chỉ: 188 ấp Long phú, xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà nguyên đơn Phan Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh T tìm hiểu rồi quen nhau rồi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có nhiều điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, trong đời sống hằng ngày thường phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung thường hay

cự cãi, anh T thường xuyên nhậu nhẹt rồi có lời lẽ xúc phạm chị N đã nhiều lần như vậy chị N cũng đã nhiều lần khuyên nhưng anh T không thay đổi tuy còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, từ những nguyên nhân đó dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị N xin được ly hôn với anh T;

Về con chung: Vợ chồng 02 con chung tên Lê Minh P, sinh ngày 04/02/2006; Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 11/11/2009, chị N yêu cầu nuôi 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung Phan Kim N không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

* Theo biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hào giải ngày 15/12/2023 bị đơn Lê Minh T trình bày:

- Về hôn nhân: anh T và chị N quen nhau rồi có đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Long cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có cũng có nhiều quan điểm bất đồng thường xuyên cự cải anh T thừa nhận là cũng có nhậu nhẹt về cũng có lời lẽ xúc phạm chị N nhưng cũng vì sai không làm chủ được bản thân nên mới nói những lời lẽ súc phạm chị N nay anh T còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 11/11/2009; Lê Minh P, sinh ngày 04/02/2006 nếu Tòa án chấp nhận cho ly hôn thì anh T đồng ý giao hai con cho chị N nuôi và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung Lê Minh T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Xét thấy, việc tranh chấp về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con giữa Phan Kim N và Lê Minh T theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Lê Minh T để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án vào lúc 13 giờ 30 ngày 19/02/2024 nhưng Lê Minh T đã tự ý bỏ về không lý do, Toà án đã hoãn phiên toà ngày 19/02/2024 và Toà án đã triệu tập hợp lệ đối với Lê Minh T để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai vào lúc 13 giờ 30 ngày 05/3/2024 Hội đồng xét xử đã mở phiên Toà đúng giờ theo giấy triệu tập nhưng Lê

Minh T vẫn vắng mặt, không có lý do, do đó Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đối với Lê Minh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn và tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, trong đời sống hằng ngày vợ chồng thường hay cự cãi, không cùng tiếng nói, anh T thường xuyên nhậu nhẹt rồi có lời lẽ xúc phạm chị N đã nhiều lần như vậy chị N cũng đã nhiều lần khuyên nhưng anh T không thay đổi tuy còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Anh T cho rằng vợ chồng cũng thường xảy ra mâu thuẫn cũng có hay cự cãi, đúng là anh T cũng có nhậu nhẹt có lời lẽ xúc phạm chị N nhưng cũng vì say rượu không làm chủ được bản thân nên mới nói những lời lẽ xúc phạm chị N, nay anh T còn thương vợ và con nên không đồng ý ly hôn nhưng từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đến nay anh T không có hành động hay biện pháp nào để hàn gắn được tình cảm vợ chồng được nên nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng chị N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T cho thấy hôn nhân mâu thuẫn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc chị N yêu cầu ly hôn là thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị N và anh T thống nhất có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 11/11/2009; Lê Minh P, sinh ngày 04/02/2006. Chị N yêu cầu nuôi con và anh T cũng đồng ý giao con cho chị N nuôi và cháu T, cháu P cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Xét sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, do đó chị N được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 11/11/2009; Lê Minh P, sinh ngày 04/02/2006 là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị N và anh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Kim N được ly hôn với anh Lê Minh T.

2. Về con chung: Chị Phan Kim N được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 11/11/2009; Lê Minh P, sinh ngày 04/02/2006. Chị Phan Kim N không yêu cầu anh cLê Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Chị Phan Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Phan Kim N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001282, ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Chị Phan Kim N đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/3/2024). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho đương sự hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Cao Diễm